

Số: /KH-SNN

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

## KẾ HOẠCH

### Phát triển kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2025

Thực hiện Công văn số 3959/BNN-KH ngày 03/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc xây dựng kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn năm 2025.

Thực hiện Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 18/6/2024 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025.

Tiếp nhận Công văn số 1618/SKHĐT-TH ngày 20/06/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đề nghị phối hợp xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.

Tiếp nhận Công văn số 1618/SKHĐT-TH ngày 20/06/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đề nghị phối hợp xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.

Tiếp nhận Công văn số 1646/SKHĐT-TH ngày 21/06/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đề nghị phối hợp xây dựng phương án tăng trưởng GRDP năm 2025 và ước thực hiện tăng trưởng GRDP 5 năm (2021 - 2025), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất Kế hoạch Phát triển kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2025 (tích hợp vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội) như sau:

### Phần thứ nhất

## ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN NĂM 2024

### I. Công tác cụ thể hoá, triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2024

#### 1. Bối cảnh

Năm 2024, hoạt động phát triển kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn tiếp tục chịu ảnh hưởng bởi suy thoái kinh tế toàn cầu, bất ổn chính trị tại một số khu vực trên thế giới, làm gia tăng lạm phát trên phạm vi toàn cầu ảnh hưởng đến chi tiêu và hạn chế nhu cầu tiêu dùng của người dân.

Biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động sản xuất của người dân.

Tình hình tiêu thụ lúa gạo tiếp tục thuận lợi, giá bán được duy trì ở mức cao.

Việc thực hiện thiết lập, cấp và quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói nhằm theo dõi và kiểm soát tình hình sản xuất, sinh vật gây hại, chất lượng - an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc đáp ứng yêu cầu thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu từng bước quan tâm mở rộng quy mô và hướng đến phát triển bền vững chuỗi ngành hàng chủ lực của Tỉnh.

## 2. Công tác cụ thể hoá, triển khai thực hiện

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch số 38/KH-SNN ngày 24/01/2024 triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2024 nhằm triển khai cụ thể hoá các nhiệm vụ được giao theo Quyết định số 46/QĐ-UBND-KH ngày 17/01/2024 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khóa XI năm 2024 và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Quyết định số 58/QĐ-UBND-HC ngày 22/01/2024 của Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân Tỉnh năm 2024, Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 09/01/2024 thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh Đồng Tháp năm 2024 và Công văn số 09/UBND-TH ngày 24/01/2024 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc triển khai thực hiện Bản cam kết hành động năm 2024.

## II. Kết quả thực hiện

### 1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu

**(1) Chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm khu vực nông – lâm – nghiệp và thủy sản:** ước giá trị tăng thêm 6 tháng đầu năm đạt 9.869 tỷ đồng, tăng 2,82% so với cùng kỳ năm 2023 và cả năm 2024 đạt 22.153 tỷ đồng, tăng 3,9% so năm 2023 (*tương ứng tăng 831 tỷ đồng*) và bằng 100% kế hoạch năm.

**(2) Chỉ tiêu hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch:** ước tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch 6 tháng đầu năm đạt 95% và cả năm 2024 đạt 96,2%, bằng 100% kế hoạch năm.

### **(3) Chỉ tiêu xã nông thôn mới:**

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Tỉnh đã công nhận thêm 06 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới (*lũy kế 115/115 xã đạt chuẩn và hoàn thành vượt chỉ tiêu đến năm 2025 có 90% xã đạt chuẩn nông thôn mới*), 20 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2023 (*lũy kế có 38 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, chiếm 33,04% xã đạt chuẩn nông thôn mới*)<sup>1</sup>.

---

<sup>1</sup> 06 xã đạt chuẩn xã NTM gồm: xã Thông Bình, huyện Tân Hồng; xã Long Khánh A và xã Thường Thới Hậu A, huyện Hồng Ngự; xã Phú Thành B, huyện Tam Nông; xã Tân Mỹ và xã Tân Phú, huyện Thanh Bình; 20 xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao gồm: xã An Phước, huyện Tân Hồng; xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự; xã An Hoà và xã Phú Thọ, huyện Tam Nông; xã Tân Bình và xã Bình Thành, huyện Thanh Bình; xã Phú Điền và xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười; xã Mỹ Hiệp, xã Bình Hàng Tây, xã An Bình và xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh; xã Mỹ An Hưng B, huyện Lấp Vò; xã Vĩnh Thới và xã Tân Phước, huyện Lai Vung; xã Tân Bình, huyện Châu Thành;

Ước cả năm 2024, có thêm 11 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, lũy kế có 49 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, chiếm 42,6% xã đạt chuẩn nông thôn mới (*vượt 1 xã so kế hoạch năm và vượt xa chỉ tiêu đến năm 2025 có 30% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao*); có 5 xã đầu tiên đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, chiếm 10,2% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (*bằng 100% kế hoạch năm và hoàn thành mục tiêu đến năm 2025 có 10% xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu*)

#### **(4) Chỉ tiêu huyện nông thôn mới:**

Trong 6 tháng đầu năm, đã tham mưu hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị Trung ương xét, công nhận đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2023 đối với huyện Lập Võ, Lai Vung và Châu Thành đạt (*bằng 60% so chỉ tiêu đến năm 2025 có thêm 05 huyện đạt chuẩn nông thôn mới*)<sup>2</sup>.

Trong 6 tháng cuối năm, tiếp tục tham mưu hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị Trung ương xét, công nhận đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2024 đối với huyện Tam Nông, Thanh Bình, Tân Hồng và xây dựng huyện Tháp Mười cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Lũy kế, có 11 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ và đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 91,6% đơn vị cấp huyện của Tỉnh (*bằng 100% kế hoạch năm và hoàn thành sớm mục tiêu đến năm 2025 lũy kế có 10 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ và đạt chuẩn nông thôn mới*).

## **2. Kết quả thực hiện các giải pháp trọng tâm**

### **2.1. Tham mưu hoàn thiện thể chế, chính sách theo hướng đồng bộ, đáp ứng yêu cầu đổi mới sản xuất, xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu nông nghiệp**

Tham mưu ban hành Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 21/3/2024 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Ban hành Quy định hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp thực hiện đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025.

Chủ trì tham mưu xây dựng: (1) Quy định chi tiết đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi theo quy trình sản xuất do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc do địa phương ban hành theo quy định của pháp luật; đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi (*cụ thể điều 103 Luật Đất đai năm 2024*); (2) Hướng dẫn bồi thường cụ thể thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển thì được khi Nhà nước thu hồi đất (*cụ thể điều 103 Luật Đất đai năm 2024*); (3) Hướng dẫn người sử dụng đất nông nghiệp chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để sử dụng đất kết hợp đa mục đích theo quy định tại Điều 218 của Luật Đất đai năm 2024 (*cụ thể điều 178 Luật Đất đai năm 2024*).

---

xã Bình Thạnh, TP. Hồng Ngự; xã Tân Quy Tây và xã Tân Khánh Đông, TP. Sa Đéc và xã Tân Thuận Đông, TP. Cao Lãnh.

<sup>2</sup> Trong đó, huyện Châu Thành đã được Hội đồng Thẩm định Trung ương thống nhất thông qua và đề nghị Thủ tướng Chính phủ Quyết định công nhận; huyện Lập Võ và huyện Lai Vung đang chuẩn bị thông qua Hội đồng Thẩm định Trung ương

Thực hiện rà soát, tham mưu xây dựng Nghị quyết về chính sách tích hợp hỗ trợ trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; xây dựng Đề án “xây dựng Đồng Tháp trở thành tỉnh tiên phong, kiểu mẫu về nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”.

## **2.2. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn phát triển kinh tế nông nghiệp theo chiều sâu, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nông nghiệp**

Phối hợp địa phương triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn và kế hoạch phát triển ngành hàng chủ lực trong thực hiện tái cơ cấu năm 2024 theo hướng linh hoạt, thích ứng diễn biến thời tiết, phù hợp thị trường gắn với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển ngành giai đoạn 2021-2025<sup>3</sup> và phù hợp điều kiện thực tế từng địa phương góp phần đưa giá trị sản xuất toàn ngành 6 tháng đầu năm đạt 22.580 tỷ đồng, tăng 2,93% so cùng kỳ năm 2023 (*trương ứng tăng 643 tỷ đồng*) và cả năm ước đạt 51.113 tỷ đồng, tăng 3,92% so năm 2023 (*trương ứng tăng 1.926 tỷ đồng*), bằng 100% kế hoạch năm. Cụ thể:

### **2.1.1. Phát triển sản xuất nông – lâm - thủy sản theo hướng chuyên canh, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh**

#### **\* Lĩnh vực trồng trọt**

Duy trì tốc độ phát triển ổn định, tiếp tục chuyển dịch cơ cấu cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả và gia tăng chất lượng sản phẩm. Theo đó, tổng diện tích gieo trồng đạt 575.198 ha, bằng 99,68% kế hoạch năm; diện tích đủ điều kiện được cấp mã số vùng trồng cả năm đạt 79,51%, bằng 100% kế hoạch năm<sup>4</sup>; sản lượng sản phẩm trồng trọt sản xuất theo hướng bền vững (*VietGAP, hữu cơ, tuần hoàn, đủ điều kiện sản xuất an toàn thực phẩm,...*) cả năm đạt 35,51%, bằng 100% kế hoạch năm<sup>5</sup>; giá trị sản xuất cả năm đạt 31.327 tỷ đồng, tăng 3,99% so năm 2023 (*trương ứng tăng 1.203 tỷ đồng*) và bằng 100,1% kế hoạch năm<sup>6</sup>. Cụ thể ước kết quả thực hiện cả năm 2024 như sau:

- Ngành hàng lúa gạo tiếp tục phát triển theo hướng chuyển dịch cơ cấu cây trồng trên đất lúa hiệu quả kém (*tổng diện tích gieo trồng đạt 495.383 ha, giảm 2.519 ha so cùng kỳ và bằng 99,98% kế hoạch năm*)<sup>7</sup>, tổ chức sản xuất tập trung theo hướng chất lượng cao (*tỷ lệ nhóm giống chất lượng cao chiếm 78,9%*,

<sup>3</sup> Báo cáo số 1286/BC-SNN ngày 10/04/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Báo cáo Kết quả phát triển kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn 3 năm (2021 - 2023) và kế hoạch phát triển kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2024 năm 2025.

<sup>4</sup> Diện tích canh tác trồng trọt đủ điều kiện được cấp mã số vùng trồng 6 tháng đầu năm đạt 59,52%.

<sup>5</sup> Sản lượng sản phẩm trồng trọt sản xuất theo hướng bền vững 6 tháng đầu năm đạt 12%.

<sup>6</sup> Giá trị sản xuất ngành trồng trọt 6 tháng đầu năm đạt 13.703 tỷ đồng, tăng 2,58% so cùng kỳ năm 2023.

<sup>7</sup> Diện tích gieo trồng lúa giảm do chuyển đổi sang trồng cây ăn trái cho hiệu quả kinh tế cao hơn: vụ Đông Xuân đạt 188.883,5 ha/189.000 ha, giảm 0,68% so cùng kỳ 2023 (*trương ứng giảm 1.290 ha*) và bằng 99,32% kế hoạch; vụ Hè Thu 2024 ước đạt 186.500 ha, tăng 0,4% so với cùng kỳ (*trương ứng tăng 741,2 ha*) đạt 100% so với kế hoạch; vụ Thu Đông 2024 ước đạt 120.000 ha/120.000 ha kế hoạch, giảm 1,62% so với cùng kỳ (*trương ứng giảm 1.970 ha*) và đạt 100% so với kế hoạch vụ).

tăng 9,3% so với cùng kỳ)<sup>8</sup> và diện tích áp dụng tiêu chuẩn an toàn thực phẩm phục vụ thị trường xuất khẩu được mở rộng (6 tháng đầu năm cấp mới 29 vùng trồng với tổng diện tích 5.306 ha)<sup>9</sup>. Giá trị sản xuất đạt 16.300 tỷ đồng, tăng 1,6% so cùng kỳ năm 2023 (tương ứng tăng 253 tỷ đồng), bằng 103% kế hoạch năm<sup>10</sup>.

- Ngành hàng hoa màu và cây công nghiệp ngắn ngày phát triển theo hướng chuyên canh, đa dạng sản phẩm và chú trọng phát triển đối tượng có triển vọng xuất khẩu, đối tượng cho hiệu quả kinh tế cao (diện tích gieo trồng đạt 33.331 ha, giảm 971 ha so cùng kỳ và bằng 95,04% kế hoạch năm)<sup>11</sup>, mở rộng diện tích được chứng nhận mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn sản xuất bền vững (6 tháng đầu năm có thêm 02 mã số vùng trồng được cấp mới với tổng diện tích 59ha)<sup>12</sup>. Giá trị sản xuất ước đạt 3.445 tỷ đồng, tăng 1,4% so với cùng kỳ (tương ứng tăng 46 tỷ đồng) và bằng 94,3% kế hoạch năm.

- Ngành hàng hoa kiểng tiếp tục phát triển theo hướng đa dạng chủng loại, phù hợp theo phân khúc thị trường và thích ứng thị hiếu người tiêu dùng (diện tích gieo trồng hoa kiểng toàn tỉnh ước đạt 3.549 ha, tăng 952 ha so cùng kỳ và bằng 100,1% kế hoạch năm), quan tâm đến việc tạo khung pháp lý phục vụ truy xuất nguồn gốc sản phẩm (có 01 vùng trồng được cấp mã số với diện tích là 2ha). Giá trị sản xuất ước đạt 6.462 tỷ đồng, tăng 6,2% so với cùng kỳ (tương ứng tăng 380 tỷ đồng) và bằng 96,4% kế hoạch năm.

- Ngành hàng cây lâu năm chuyển dịch theo hướng mở rộng quy mô sản xuất đối tượng chủ lực và tiềm năng (tổng diện tích trồng cây lâu năm ước đạt 46.483 ha, tăng 2.760 ha so cùng kỳ và bằng 100% kế hoạch năm)<sup>13</sup>, diện tích

<sup>8</sup> Cơ cấu giống vụ Đông Xuân có xu hướng dịch chuyển từ nhóm giống lúa thường, Nếp sang giống chất lượng cao nhằm đáp ứng yêu cầu xuất khẩu. Theo đó, tỷ lệ nhóm giống chất lượng cao chiếm 78,9% (tăng 9,3% so với cùng kỳ), tỷ lệ nhóm lúa thường đạt 12,1% (giảm 1,2% so cùng kỳ) và tỷ lệ nhóm Nếp đạt 9% (giảm 8,1% so với cùng kỳ).

<sup>9</sup> Lũy kế đến nay, ngành hàng lúa đã cấp 573 mã số vùng trồng với tổng diện tích 92.952 ha, chứng nhận an toàn thực phẩm 6.582 ha, chứng nhận VietGAP 4.256 ha, 1,2 ha đạt chứng nhận hữu cơ, 183,2 ha áp dụng truy xuất nguồn gốc điện tử

<sup>10</sup> Giá trị sản xuất ngành hàng lúa gạo tăng do cơ cấu giống dịch chuyển sang nhóm lúa chất lượng cao nhằm đáp ứng thị trường xuất khẩu.

<sup>11</sup> Diện tích gieo trồng cây bắp ước đạt 4.689 ha, giảm 1,6% so với cùng kỳ (tương ứng giảm 78 ha) và giảm 5,74% kế hoạch năm; Diện tích gieo trồng cây khoai lang ước đạt 692 ha, tăng 26,4% so với cùng kỳ (tương ứng tăng 145 ha) và giảm 6,9% kế hoạch năm; Diện tích gieo trồng cây khoai môn và cây chất bột khác ước đạt 2.033 ha, tăng 9,0% so với cùng kỳ (tương ứng tăng 167 ha) và bằng giảm 11,8% kế hoạch năm; Diện tích gieo trồng cây ớt ước đạt 3.285 ha, giảm 2,7% so với cùng kỳ (tương ứng giảm 91 ha) và tăng 6,9% kế hoạch năm; Diện tích gieo trồng cây sen ước đạt 1.831 ha, giảm 0,9% so với cùng kỳ (tương ứng giảm 17 ha) và giảm 9,3% kế hoạch năm.

<sup>12</sup> Lũy kế đến nay, có 85 vùng trồng rau màu được cấp mã số với tổng diện tích đạt 2.080ha (chủ yếu trên ớt, khoai lang, bắp, khoai môn, sen,...), chứng nhận VietGAP đạt 125ha, chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt 108ha, chứng nhận hữu cơ 0,9ha, áp dụng truy xuất nguồn gốc điện tử đạt 4,3ha.

<sup>13</sup> Diện tích gieo trồng xoài đạt 14.989 ha, tăng 3,37% so với năm 2023 (tương ứng tăng 488,7 ha) và bằng 100% kế hoạch năm 2024; Diện tích gieo trồng cam đạt 1.624 ha, tăng 11,31 % so với năm 2023 (tương ứng tăng 165 ha) và bằng 100% kế hoạch đến năm 2024; Diện tích gieo trồng quýt đạt 1.550 ha, giảm 4,9% so với năm 2023 (tương ứng giảm 79,7 ha) và bằng 79,7% kế hoạch đến năm 2024; Diện tích gieo trồng chanh đạt 2.439 ha, giảm 7,8% so với năm 2023 (tương ứng giảm 206 ha) và bằng 100% kế hoạch đến năm 2024; Diện tích gieo trồng nhãn đạt 4.024 ha, giảm 6,2% so với năm 2023 (tương ứng giảm 264 ha) và bằng 100% kế hoạch đến năm 2024; Diện tích gieo trồng Sầu riêng đạt 3.871 ha, tăng 2,3% so với năm 2023 (tương ứng tăng 87 ha) và bằng 100% kế hoạch

xác lập mã số vùng trồng và tiêu chuẩn an toàn được mở rộng (6 tháng đầu năm cấp mới 31 vùng trồng với tổng diện tích 1.286ha)<sup>14</sup>. Giá trị sản xuất đạt 5.120 tỷ đồng, tăng 11,39% so năm 2023 (tương ứng tăng 523 tỷ đồng) và bằng 99,68% kế hoạch năm.

#### \* Lĩnh vực chăn nuôi

Tổng đàn gia súc, gia cầm phát triển ổn định<sup>15</sup>, tình hình dịch bệnh được kiểm soát và khống chế không để dịch bùng phát<sup>16</sup>, tỷ lệ cơ sở sản xuất chăn nuôi trên địa bàn xử lý chất thải (bằng biogas hoặc các giải pháp công nghệ xử lý, sử dụng hiệu quả, sạch) chiếm 78%. Sản lượng thịt hơi xuất bán đạt 57.626 tấn, tăng 5% so cùng kỳ (tương ứng tăng 2.752 tấn), bằng 100% kế hoạch năm. Giá trị sản xuất ước đạt 2.790 tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ (tương ứng tăng 133 tỷ đồng), bằng 100% kế hoạch năm.

#### \* Lĩnh vực lâm nghiệp

Diện tích đất có rừng trên địa bàn Tỉnh được duy trì ổn định là 6.006 ha, tỷ lệ che phủ rừng đạt 1,67% và tỷ lệ diện tích rừng sản xuất được quản lý bền vững có xác nhận chiếm 50%. Giá trị sản xuất đạt 454 tỷ đồng, tăng 0,8% so năm 2023 (tương ứng tăng 4 tỷ đồng) và bằng 100,6% kế hoạch năm.

#### \* Lĩnh vực thủy sản

Tiếp tục duy trì tốc độ phát triển ổn định đối tượng nuôi chủ lực được phát triển theo chiều sâu<sup>17</sup>. Theo đó, Lũy kế diện tích thả nuôi thủy sản đạt 6.850 ha, tăng 1,93% so với cùng kỳ (tương ứng tăng 130 ha) và bằng 100% kế hoạch năm 2024<sup>18</sup>, diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản đủ điều kiện được cấp mã số vùng nuôi chiếm 100%; số lượng lồng bè nuôi thủy sản ước đạt 5.300 chiếc, tăng 6% so cùng kỳ (tương ứng tăng 300 chiếc) và bằng 100% kế hoạch năm) và có 35,42% sản lượng thủy sản nuôi trồng theo hướng bền vững. Giá trị sản xuất đạt

---

đến năm 2024; Diện tích gieo trồng Mít đạt 7.930 ha, giảm 0,5% so với năm 2023 (tương ứng giảm 43 ha) và bằng 100% kế hoạch đến năm 2024.

<sup>14</sup> Lũy kế đã cấp cho 611 vùng trồng cây ăn trái với tổng diện tích là 17.082ha; chứng nhận VietGAP là 748ha (chủ yếu là xoài, nhãn, cây có múi, mận, thanh long, sầu riêng, mít...); chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt 124ha, truy xuất nguồn gốc điện tử đạt 70ha, chứng nhận 01 vườn cây đầu dòng theo Nghị định 94/2019/NĐ-CP

<sup>15</sup> Tổng đàn lũy kế đến cuối năm đối với: trâu đạt 3.805 con, tăng 4,99% so cùng kỳ và bằng 100% kế hoạch năm; tổng đàn bò đạt 74.021 con, tăng 5% so cùng kỳ và bằng 100% kế hoạch năm; tổng đàn heo đạt 494.147 con, tăng 5% so cùng kỳ và bằng 100% kế hoạch năm; tổng đàn gà đạt 6,57 triệu con, tăng 5% so cùng kỳ và bằng 100% kế hoạch năm; tổng đàn vịt đạt 7,97 triệu con, tăng 5% so cùng kỳ và bằng 100% kế hoạch năm

<sup>16</sup> Có thêm 1 cơ sở chăn nuôi được chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh. Lũy kế có 7 cơ sở được chứng nhận, tăng 16% so cùng kỳ và bằng 100% kế hoạch năm.

<sup>17</sup> Toàn tỉnh hiện có 375 cơ sở nuôi cá tra được cấp mã số nhận diện với diện tích 1.626 ha mặt nước. Trong đó, có 83 cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm với diện tích 648,35 ha; 38 cơ sở áp dụng và được chứng nhận các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, ASC, BAP với diện tích 242 ha.

<sup>18</sup> Diện tích thả nuôi cá tra đạt 2.630 ha, tăng 0,38% so với cùng kỳ (tương ứng tăng 10 ha), đạt 100% so kế hoạch năm; nuôi tôm ước đạt 1.000 ha, tăng 11,1% so với cùng kỳ (tương ứng tăng 100 ha), đạt 100% kế hoạch năm; diện tích thả nuôi các loài thủy sản khác ước đạt 3.220 ha, tăng 0,6% so cùng kỳ (tương ứng tăng 20 ha), đạt 100% kế hoạch năm.

13.937 tỷ đồng, tăng 3,94% so năm 2023 (*trương ứng tăng 528,8 tỷ đồng*) và bằng 100% kế hoạch năm (*trong đó, cá tra đạt 8.802 tỷ đồng, tăng 2,86% so năm 2023 và bằng 100% kế hoạch năm 2024*).

**\* Lĩnh vực xúc tiến đầu tư, tiêu thụ và dự báo thị trường nông sản**

Phối hợp địa phương theo dõi sản lượng nông sản, thủy sản thu hoạch hàng tháng, quý và kịp thời đăng tải trên cổng thông tin điện tử và nền tảng nông nghiệp số của Sở, tạo điều kiện thuận lợi cho cộng đồng doanh nghiệp và người sản xuất tiếp cận, khai thác phục vụ cho việc tổ chức sản xuất. Đồng thời, duy trì kênh tiếp nhận thông tin phản ánh của doanh nghiệp và người sản xuất nhằm kịp thời tiếp nhận, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình sản xuất.

Bên cạnh đó, hỗ trợ tổ chức, cá nhân trong chuỗi liên kết tăng diện tích cánh đồng liên kết. Theo đó, Cây lúa vụ Đông Xuân thực hiện liên kết được 54.902 ha, sản lượng 385.483 tấn, chiếm tỷ lệ 29,03% tổng diện tích sản xuất và vụ Hè Thu thực hiện liên kết của các huyện, thành phố là 39.175 ha, chiếm tỷ lệ 21% tổng diện tích sản xuất<sup>19</sup>; trên cây ăn trái có 03/12 huyện, thành phố (*Lai Vung, Cao Lãnh và thành phố Cao Lãnh*) thực hiện liên kết tiêu thụ khoảng 1.478 ha, sản lượng 4.116 tấn<sup>20</sup>. Đồng thời, duy trì hoạt động tiếp xúc với doanh nghiệp thu mua, doanh nghiệp chế biến, người sản xuất nông sản nhằm kịp thời nắm bắt khó khăn, vướng mắc trong quá trình sản xuất, tiêu thụ nông sản.

Phối hợp đơn vị hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia gian hàng tại Hội chợ Nông nghiệp và Xúc tiến thương mại khu vực đồng bằng sông Cửu Long - Đồng Tháp năm 2024 (Mekong Agri Expo 2024) từ ngày 17-23/4/2024 với sự góp mặt của 200 gian hàng của hơn 100 đơn vị là các doanh nghiệp, hợp tác xã của tỉnh Đồng Tháp và các tỉnh thành cả nước.

Phối hợp Sở Công Thương cũng cố và duy trì hoạt động Tổ thông tin và phân tích thị trường nông sản của Tỉnh.

**\* Lĩnh vực chuyển đổi số nông nghiệp**

Tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt Dự án Hệ thống nền tảng Nông nghiệp số tại Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 28/2/2024 và triển khai thực hiện các bước tiếp theo sau báo cáo nghiên cứu khả thi. Đồng thời, hoàn thành các bước lập kế hoạch thuê đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức, làm cơ sở xây dựng dự toán, lập nhiệm vụ đầu tư trình Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét phê duyệt.

Phối hợp các đơn vị liên quan hoàn chỉnh cấu trúc nền tảng chuyển đổi số ngành nông nghiệp đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét công nhận và tích hợp vào nền tảng chuyển đổi số nông nghiệp của Quốc gia.

<sup>19</sup> Trong đó, có 57 Hợp tác xã (HTX) liên kết thông qua hợp đồng với 49 công ty, doanh nghiệp. Ngoài ra có 02 HTX thực hiện liên kết bao tiêu cho người dân.

<sup>20</sup> Có 15 công ty, doanh nghiệp cùng các siêu thị Big C, Coop mark, Bách Hoá Xanh, ... liên kết tiêu thụ với 09 HTX và 03 THPT.

Hỗ trợ Hội quán, nông dân tham gia sàn thương mại điện tử, phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn Tỉnh. Theo đó, có 4 Hội quán ứng dụng IOT vào quy trình sản xuất, 22 Hội quán và 54 Hợp tác xã ứng dụng công nghệ vào quy trình truy xuất nguồn gốc, tham gia sàn thương mại điện tử thông qua Tổ Công nghệ số cộng đồng.

### **2.2.2. Lĩnh vực chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động quản lý, sản xuất và nhân rộng mô hình hiệu quả**

Tiếp nhận kết quả và các sản phẩm của đề tài khoa học công nghệ cấp tỉnh: “Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chạch còm (*Macrogathus siamensis*) tại tỉnh Đồng Tháp” và triển khai đến địa phương phối hợp triển khai nhân rộng vào thực tiễn. Theo đó, huyện Tam Nông, Cao Lãnh, Thanh Bình, Tháp Mười đã được chuyển giao kết quả nghiên cứu triển khai ứng dụng ở địa phương.

Các mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả được nhân rộng, tiêu biểu như: Mô hình giảm giá thành sản xuất lúa (sạ thưa, bón phân vùi vào đất, quản lý dịch hại, vụ Đông xuân áp dụng 32.424ha và diện tích áp dụng cho vụ Hè thu 2024 đạt 101.294ha); Mô hình giảm lượng hạt giống gieo sạ và nâng cao tỷ lệ sử dụng giống xác nhận (vụ Đông xuân giảm lượng giống đạt 108.398ha; sử dụng giống xác nhận đạt 142.629ha, diện tích áp dụng giảm lượng giống vụ Hè thu 2024 đạt 99.547ha và 30.983ha sử dụng giống xác nhận); Mô hình canh tác xoài rải vụ đủ điều kiện sản xuất an toàn (với diện tích hơn 8.505ha); Dự án phát triển nông nghiệp hữu cơ (với 24 hộ tham gia, tổng diện tích 5,3ha, với sản phẩm rau được các công ty, doanh nghiệp ký hợp đồng liên kết tiêu thụ với giá bao tiêu cao hơn so với sản xuất thông thường từ 2 - 7 lần).

Tiếp tục nhân rộng mô hình Hội quán, có thêm 03 Hội quán thành lập mới<sup>21</sup>. Lũy kết đến nay, toàn tỉnh có 150 Hội quán ở 12 huyện, thành phố với tổng số thành viên là 7.669 thành viên<sup>22</sup>. Hoạt động của Hội quán đa dạng các loại hình như: sản xuất cây ăn trái, lúa, rau màu, hoa kiểng, nuôi cá tra, cá lồng bè, lươn thịt, sản xuất khô mắm, kinh doanh đa ngành nghề, du lịch và sản xuất bột,..Ước đến cuối năm 2024 toàn tỉnh có 151 Hội quán<sup>23</sup>.

### **2.3. Phát triển nông thôn theo hướng với xây dựng nông thôn mới gắn phát triển kinh tế tập thể, phát triển sản phẩm OCOP và làng nghề**

Ước cả năm 2024, có 115/115 xã đạt chuẩn NTM, đạt 100% (*vượt so chỉ tiêu đặt ra đến năm 2025 đạt 90%*); có thêm 11 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và lũy kế có 49 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, vượt 1 xã so kế hoạch năm<sup>24</sup>;

<sup>21</sup> Hồng Tân Hội quán tại xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh và An Thạnh Hội quán chim cảnh tại phường An Thạnh, TP Hồng Ngự; Hương sen Hội quán, xã Tân Phú, huyện Châu Thành.

<sup>22</sup> 02 Hội quán chưa ra mắt: Lợi Phát Hội quán và Hội quán Du lịch Đồng Sen Tháp Mười, huyện Tháp Mười.

<sup>23</sup> Dự kiến đến cuối năm 2024 sẽ ra mắt thành lập mới Hội quán Làng Gao tại TP. Sa Đéc.

<sup>24</sup> Hiện nay, có 38 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và có 11 xã đăng ký thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (các xã đạt từ 11 – 14 tiêu chí và tập trung triển khai thực hiện các tiêu chí chưa đạt chuẩn, duy trì các tiêu chí đã đạt chuẩn)



có 05 xã đầu tiên đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, bằng 100% kế hoạch năm<sup>25</sup>; thêm 03 huyện cơ bản đạt chuẩn huyện nông thôn mới và lũy kế có 11 đơn vị cấp huyện cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới<sup>26</sup>, bằng 100% kế hoạch năm. Đồng thời, phân đấu huyện Tháp Mười cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao<sup>27</sup>.

Thành lập mới 07/07 HTXNN<sup>28</sup>, bằng 100% kế hoạch năm và lũy kế có 201 HTXNN (*trong đó, 193 HTX hoạt động, 08 HTX đang ngưng hoạt động, đang làm thủ tục giải thể*<sup>29</sup>); tổng số tổ hợp tác nông nghiệp trên toàn Tỉnh là 871 tổ hợp tác và có 40 trang trại hoạt động theo quy định tại Thông tư 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và tỷ lệ sản xuất nông nghiệp dưới hình thức hợp tác và liên kết chiếm 23% quy mô sản xuất.

Tham mưu ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 24/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc Triển khai thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm năm 2024. Đến nay, có 453 sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên (01 sản phẩm 5 sao; 86 sản phẩm 4 sao; 366 sản phẩm 3 sao) của 175 chủ thể.

Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Tháp thực hiện Chương trình “Lửa làng nghề”, chủ trì biên soạn và ra mắt Ebook – Sổ tay giới thiệu về làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh. Đến nay, có 41 nghề

<sup>25</sup> Hiện nay, chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và có 5 xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (Xã Mỹ Xương – Huyện Cao Lãnh: đạt 1/3 điều kiện bắt buộc. Đạt điều kiện duy trì theo Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao (Chưa đạt điều kiện thu nhập và mô hình Thông minh); xã chọn nhóm kiểu mẫu về Giáo dục - Y tế - Văn hóa và du lịch, đạt được 04/06 chỉ tiêu yêu cầu; Xã Bình Thạnh – huyện Cao Lãnh: đạt 1/3 điều kiện bắt buộc. Đạt điều kiện duy trì theo Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao (Chưa đạt điều kiện thu nhập và mô hình Thông minh); xã chọn nhóm kiểu mẫu về Cảnh quan môi trường, đạt được 02/06 chỉ tiêu yêu cầu; Xã Đốc Bình Kiều – huyện Tháp Mười: đạt 1/3 điều kiện bắt buộc. Đạt điều kiện duy trì theo Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao (Chưa đạt điều kiện thu nhập và mô hình Thông minh); xã chọn nhóm kiểu mẫu về Sản xuất, đạt được 7/13 chỉ tiêu yêu cầu; Xã Định Yên – huyện Lấp Vò: đạt 1/3 điều kiện bắt buộc. Đạt điều kiện duy trì theo Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao (Chưa đạt điều kiện thu nhập và mô hình Thông minh); xã chọn nhóm kiểu mẫu về Giáo dục - Y tế - Văn hóa và du lịch, đạt được 02/04 chỉ tiêu yêu cầu; Xã Tân Nhuận Đông – huyện Châu Thành: đạt 1/3 điều kiện bắt buộc. Đạt điều kiện duy trì theo Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao (Chưa đạt điều kiện thu nhập và mô hình Thông minh); xã kiểu mẫu về Giáo dục - Y tế - Văn hóa và du lịch, đạt được 04/06 chỉ tiêu yêu cầu).

<sup>26</sup> Hiện có 5 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, 3 huyện cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới và có 3 huyện đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024 (Tân Hồng: Đạt được 4/9 tiêu chí (các tiêu chí chưa đạt gồm Tiêu chí 2, 5, 6, 7, 8; Tam Nông: Đạt được 6/9 tiêu chí (các tiêu chí chưa đạt gồm Tiêu chí 5, 6, 7); Thanh Bình: Đạt được 6/9 tiêu chí (các tiêu chí chưa đạt gồm Tiêu chí 2, 5, 6)).

<sup>27</sup> Hiện nay, đánh giá tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao đối với huyện Tháp Mười: đạt 4/9 tiêu chí (các tiêu chí chưa đạt gồm Tiêu chí 1, 5, 6, 7, 8); duy trì đạt chuẩn tiêu chí huyện nông thôn mới: duy trì đạt 7/9 tiêu chí (Tiêu chí chưa đạt gồm: tiêu chí 7 về Môi Trường và tiêu chí 8 về Chất lượng môi trường sống).

<sup>28</sup> 04 HTX đã thành lập mới gồm HTX NN Trường Thành, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười; HTX Sầu riêng An Khánh, xã An Khánh, huyện Châu Thành; HTX Nông nghiệp và Dịch vụ hoa kiểng LABANDA, xã Long Hưng B, huyện Lấp Vò; HTX Nông sản sạch Sen hồng, xã Tân Hội Trung, huyện Cao Lãnh; 03 HTX dự kiến thành lập gồm: 01 HTX DVNN Đất Ngọt xã Tân Quới thành lập từ Đất Ngọt Hội quán thuộc huyện Thanh Bình; 02 HTX tại huyện Cao Lãnh gồm: HTX DVNN Thuận Mỹ, thị trấn Mỹ Thọ và HTX DVNN Mỹ Xương, xã Mỹ Xương.

<sup>29</sup> 03 HTX Đang làm thủ tục giải thể: HTX Long Phú Thuận, huyện Hồng Ngự; HTX Tiến Cường, huyện Tam Nông; HTX DVNN Tân Thuận, ấp Tân Thuận, xã An Phú Thuận, huyện Châu Thành; 05 HTX ngưng hoạt động: HTXNN Thuận Phú, xã Tân Phú; HTX NN Tân Phát, xã Tân Quới, huyện Thanh Bình; HTX NN số 2 Phú Hiệp, huyện Tam Nông; HTX Chăn nuôi heo Phú Bình, ấp Phú Bình, xã Phú Long, huyện Châu Thành, HTX xoài Mỹ Xương, xã Mỹ Xương, huyện Cao Lãnh.

truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận theo quy định (*tăng 01 nghề truyền thống, 01 làng nghề so năm 2022*), sản phẩm khá đa dạng tập trung chủ yếu vào 5 nhóm: chế biến và bảo quản nông, lâm thủy sản; sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ; xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn; sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ; sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh. Hiện có 09/41 nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống có sản phẩm OCOP.

Tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh tỉnh Đồng Tháp năm 2024; ban hành Kế hoạch thực hiện kiểm tra kiểm tra, giám sát, đánh giá quá trình thực hiện Chương trình về việc tuân thủ cam kết chất lượng sản phẩm của các chủ thể kinh tế sau khi đã có sản phẩm đạt sao OCOP; kiểm tra các sản phẩm OCOP đã được công nhận. Bên cạnh đó phối hợp truyền thông về Chương trình OCOP (khai thác Video tuyên truyền về Chương trình OCOP của tỉnh đến năm 2025 (video đồ họa 3D); quản lý sản phẩm OCOP sau công nhận và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận sản phẩm OCOP; phối hợp Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Tháp thực hiện Chương trình "OCOP Đồng Tháp" và "Trãi nghiệm sản phẩm OCOP Đồng Tháp".

#### **2.4. Huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn đồng bộ, hiện đại**

Chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan chuẩn bị các thủ tục đầu tư và thực hiện đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất; tham mưu triển khai giải pháp đầu tư nâng cấp hệ thống thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước. Theo đó, Diện tích đất sản xuất nông nghiệp áp dụng biện pháp tưới tiết kiệm nước cả năm ước chiếm 60% (bằng 100% kế hoạch năm) và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công ước đạt 100% kế hoạch vốn giao. Cụ thể:

- Dự án Hạ tầng phục vụ sản xuất vùng xoài xã Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp: tổng mức đầu tư 180.900 triệu đồng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Quyết định điều chỉnh số 523/QĐ-BNN-TL ngày 06/02/2024. Đã phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, đang trình thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đợt 2).

- Dự án Xử lý sạt lở bờ sông Tiền khu vực An Lạc, thành phố Hồng Ngự và khu vực Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp: bố trí kế hoạch vốn 150.000 triệu đồng, tổng mức đầu tư 1.121.300 triệu đồng; đang thi công khối lượng đạt khoảng 0,5% giá trị hợp đồng.

- Chuẩn bị đầu tư 01 dự án Xử lý sạt lở bờ sông Tiền đoạn từ cầu Cao Lãnh đến vàm Long Hòi, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp (*đã trình xin điều chỉnh chủ trương đầu tư*); thực hiện đầu tư 05 dự án, tổng mức đầu tư 1.336.337 triệu đồng và đang thi công 03 dự án, kinh phí thực hiện 37.540 triệu đồng đạt 9,2% so kế hoạch vốn, giải ngân 98.064 triệu đồng đạt 24% so kế hoạch vốn.

Thực hiện tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể và đặc biệt là người dân về ý nghĩa và tầm quan trọng của

nước sạch nhằm thay đổi nhận thức, hành vi và tăng nhu cầu sử dụng nước sạch; mời gọi các thành phần kinh tế tham gia đầu tư mới, nâng cấp mở rộng trạm cấp nước sạch tập trung và giải pháp chuyên đổi công năng hoạt động trạm cấp nước sử dụng nguồn nước ngầm nhiễm Asen sang sử dụng nước mặt. Theo đó, đảm bảo mục tiêu đến cuối năm có 96,2% hộ dân khu vực nông thôn được sử dụng nước sạch. Cụ thể:

- Chuẩn bị đầu tư Dự án Đảm bảo nước sạch vùng nông thôn trong điều kiện biến đổi khí hậu tỉnh Đồng Tháp: Tổng mức đầu tư 168.064 triệu đồng và tiến độ triển khai dự án: gửi Sở Xây dựng thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án (Tờ trình số 1392/TTr-SNN ngày 12/4/2024). Gói thầu số 04 - (ĐTM): Đơn vị tư vấn đã hoàn thành điều chỉnh báo cáo ĐTM theo thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM (Công văn số 1466/STNMT-QLMT ngày 05/4/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường); đồng thời ngày 16/4/2024 đơn vị Tư vấn đã nộp báo cáo ĐTM điều chỉnh vào một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thẩm định lần 2. Dự kiến đến ngày 20/5/2024 Sở Tài nguyên và Môi trường có kết quả thẩm định ĐTM. Sau khi có kết quả thẩm định ĐTM, Sở Xây dựng tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt dự án trên

- Triển khai Dự án Nâng cấp mở hệ thống cấp nước sạch nông thôn khu vực Giồng Găng, xã Tân Phước - Cà Vàng, xã Thông Bình, huyện Tân Hồng: tổng mức đầu tư 22.993 triệu đồng; bố trí kế hoạch vốn năm 2024 là 7,70 tỷ đồng và giải ngân là 3.650,15 triệu đồng, đạt 47,4% kế hoạch phân bổ vốn năm 2024. Đồng thời, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt chỉ định thầu các gói thầu 08, 09, 10 thuộc dự án và triển khai thực hiện : Gói thầu số 08 – ĐTM (hoàn thành báo cáo tóm tắt ĐTM và thực hiện tham vấn cộng đồng và nộp vào một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường tham vấn online), Gói thầu số 10 – GPKT (triển khai thực hiện giấy phép khai thác, ước đạt khoảng 80%; dự kiến công trình thi công hoàn thành trong tháng 6/2024 đưa vào khai thác sử dụng (do phải chờ giấy phép khai thác)).

- Triển khai Dự án Mạng đường ống cấp nước đến hộ gia đình sau tuyến ống chính của Dự án thành phần số 7: tổng mức đầu tư 33,34 tỷ đồng và bố trí kế hoạch vốn năm 2024 là 8,300 tỷ đồng; dự án đã giải ngân 215,93 triệu đồng, đạt 03% kế hoạch vốn năm 2024. Tiến độ thực hiện dự án: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu (E-HSMT) Gói thầu số 01: Tư vấn khảo sát địa hình và thiết kế sau thiết kế cơ sở (bước 2) (tại Quyết định số 192/QĐ-SNN ngày 03/5/2024), hiện Tổ chuyên gia đang triển khai thực hiện đăng hồ sơ mời thầu lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

- Ngoài ra, phối hợp với đơn vị liên quan thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư các dự án Công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn<sup>30</sup>: Tiến độ thực hiện, đơn vị tư vấn thiết kế đang rà soát chỉnh sửa theo nội

<sup>30</sup> Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đăng ký Vụ Kế hoạch - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bố trí kế hoạch vốn đầu tư công là 45,364 tỷ đồng (tại Công văn số 69/SNN-KHTC ngày 05/01/2024) và đến nay dự án chưa được bố trí vốn.

dung thẩm định của Cục Thủy lợi và Sở Công Thương<sup>31</sup>.

## **2.5. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngành, đào tạo nghề cho nông dân**

Ban hành kế hoạch và triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức ngành nông nghiệp năm 2024; tạo điều kiện thuận lợi cho công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ từ nguồn kinh phí tự túc khi có nhu cầu góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong ngành vững vàng về tư tưởng chính trị, có đủ năng lực, kỹ năng và phương pháp thực thi công vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao trong giai đoạn mới. Theo đó, tính đến thời điểm hiện tại Sở đã cử hơn 60 lượt công chức, viên chức tham gia đào tạo về lý luận chính trị, bồi dưỡng tiêu chuẩn ngạch, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý, an ninh quốc phòng và theo vị trí việc làm.

Tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp năm 2024, phối hợp với các đơn vị giám sát, theo dõi kết quả thực hiện, ước cả năm thực hiện hoàn thành chỉ tiêu theo kế hoạch và lũy kế tỷ lệ nông dân được đào tạo nghề nông nghiệp đạt 38,5%.

## **2.6. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn; tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường**

Phối hợp các địa triển khai thực hiện Kế hoạch ứng phó biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2024; Xây dựng Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn Tỉnh; Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình Thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp làm cơ sở đề xuất đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng nông nghiệp phù hợp mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chủ động phối hợp với các địa phương rà soát hiện trạng các công trình thủy lợi và đề xuất thực hiện duy tu bảo dưỡng kịp thời góp phần đảm bảo nhu cầu nước tưới phục vụ sản xuất và bảo vệ sản xuất trước các hiện tượng thời tiết cực đoạn.

Tổ chức giám sát, duy trì chế độ trực tiếp nhận thông tin, sẵn sàng ứng phó với diễn biến của thiên tai. Theo đó, kịp thời ứng phó với 01 áp thấp nhiệt đới và 06 vụ mưa lớn kèm theo dông, sét, gió mạnh<sup>32</sup>; 03 vụ sạt lở, sụp lún sông Tiền<sup>33</sup>

<sup>31</sup> Cục Thủy lợi có thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (tại Thông báo số 524/TB-TL-NS ngày 19/4/2024); Sở Công Thương có ý kiến tham gia thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (phần đường dây trung thế và trạm biến áp) (tại Công văn số 1040/SCT-QLCN ngày 19/4/2024).

<sup>32</sup> tại các huyện Thanh Bình, Tam Nông, Lập Vò, Lai Vung và Tháp Mười làm chết 01 người (nguyên nhân chết là bị sét đánh khi đang chăn trâu tại khu vực cánh đồng khu ô bao số 4 thuộc xã An Hòa, huyện Tam Nông), tốc mái 31 căn nhà, 1 phần mái ngói trụ sở cơ quan, 01 chuồng trại chăn nuôi, ngã đổ 04 trụ điện, 32.400 cây chuối đang trong thời kỳ sinh trưởng và mang trái, 140 cây sầu riêng (đang xử lý ra hoa cho trái) và 65 cây mít.

<sup>33</sup> tại các xã Mỹ An Hưng A và Tân Khánh Trung, huyện Lập Vò; xã Tân Thuận Đông, thành phố Cao Lãnh với chiều dài sạt lở, sụp lún khoảng 90 m, diện tích sạt 780 m<sup>2</sup> và 04 vụ sạt lở nội đồng tại huyện Thanh Bình (3 vụ) và thành phố Hồng Ngự với chiều dài sạt lở là 126 m, diện tích 503 m<sup>2</sup> làm ảnh hưởng trực tiếp đến 6 hộ dân, trong đó sập ½ căn nhà (căn bếp), nhà tháo dỡ di dời 5 căn.

ước tổng giá trị thiệt hại về tài sản khoảng 5,35 tỷ đồng giảm 10,65 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023.

- Tiếp tục thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đầu tư trồng rừng sản xuất và chế biến lâm sản, phát triển du lịch sinh thái rừng.

## **2.7. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, thanh tra hành chính lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn và an toàn vệ sinh thực phẩm**

Đến nay, thành lập 01 đoàn kiểm tra<sup>34</sup> và 01 đoàn thanh tra<sup>35</sup>. Tổng số cơ sở được kiểm tra là 26 lượt cơ sở sản xuất, kinh doanh phân bón, sản phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Tổng số mẫu phân tích kiểm tra chất lượng: 38 mẫu kiểm tra về an toàn thực phẩm nông, lâm thủy sản. Kết quả, 29/29 mẫu bảo đảm an toàn thực phẩm và 09 mẫu đang chờ kết quả thử nghiệm.

Thực hiện kiểm tra đánh giá điều kiện an toàn thực phẩm 35 cơ sở nuôi thủy sản trên địa bàn tỉnh, trong đó kiểm tra cấp giấy chứng nhận cho 14 cơ sở và kiểm tra định kỳ 21 cơ sở; kiểm tra đánh giá điều kiện sản xuất 3 nhà máy sản xuất thức ăn, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh; kiểm tra đánh giá điều kiện sản xuất 21 cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản trên địa bàn tỉnh; tiếp nhận 740 hồ sơ tự công bố sản phẩm của 248 cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý.

### **III. Đánh giá chung**

#### **1. Mặt tích cực**

Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm cả năm khu vực nông – lâm – thủy sản và tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch đạt mục tiêu đề ra; hoàn thành sớm và vượt chỉ tiêu nông thôn mới đề ra đến năm 2025.

Người sản xuất quan tâm thực hiện thiết lập, quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói nông sản nhằm theo dõi và kiểm soát tình hình sản xuất, sinh vật gây hại, truy xuất nguồn gốc sản phẩm cây trồng đáp ứng yêu cầu thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Đồng thời, ngày càng quan tâm hơn về quy trình sản xuất theo hướng sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm, từng bước hướng đến sản xuất nông nghiệp bền vững và định hướng chuyển đổi sản xuất hữu cơ, ngăn ngừa và hạn chế rủi ro từ các mối nguy gây ô nhiễm về hóa học ảnh hưởng đến chất lượng, an toàn của sản phẩm, môi trường, sức khỏe cộng đồng. Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp luôn được quan tâm thực hiện tốt.

Tình hình sản xuất và tiêu thụ nông sản, thủy sản ổn định, phần lớn người sản xuất có lợi nhuận. Dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi được kiểm soát tốt; công

<sup>34</sup> Đoàn kiểm tra: Quyết định số 01/QĐ-TTr ngày 31/01/2024 về việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn và mùa Lễ hội Xuân 2024

<sup>35</sup> Đoàn thanh tra: Quyết định số 02/QĐ-TTr ngày 01/4/2024 về việc thanh tra việc chấp hành về sản xuất, kinh doanh phân bón trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp được ngành nông nghiệp quan tâm thực hiện tốt. Nhiều chủ trương, chiến lược, đề án phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn, giảm phát thải... tạo điều kiện để thực hiện nền nông nghiệp bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu. Việc chuyển đổi linh hoạt diện tích canh tác lúa kém hiệu quả sang trồng cây ăn trái, hoa màu tiếp tục lan rộng.

## 2. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

Tốc độ tăng trưởng và cơ cấu nội bộ ngành còn chênh lệch lớn (lúa chiếm 31,9%, cá tra 17,2%, hoa kiểng chiếm 12,6%, xoài chiếm 4,9%, sen chiếm 0,1% giá trị sản xuất toàn ngành), tăng trưởng không đều và hiệu quả sản xuất không đều giữa các ngành hàng. Nguyên nhân dẫn đến cơ cấu ngành, tỷ lệ tăng trưởng và hiệu quả sản xuất giữa các ngành hàng phần lớn phụ thuộc vào tập quán, điều kiện tổ chức sản xuất và thị trường tiêu thụ (*trên cơ sở diễn biến của thị trường tiêu thụ theo từng thời điểm mà người sản xuất điều chỉnh phương án sản xuất phù hợp với tín hiệu của thị trường*)

Diện tích gieo trồng lúa, hoa màu, hoa kiểng giảm so cùng kỳ và chưa đạt kế hoạch năm. Nguyên nhân do chuyển đổi cơ cấu cây trồng (*chuyển sang cây lâu năm*) và chuyển mục đích đất phục vụ phát triển hạ tầng.

Do ảnh hưởng thời tiết cực đoạn và áp lực của dịch hại làm tăng chi phí nhân công chăm sóc và vật tư phòng trị bệnh dẫn đến giá thành sản xuất đối với sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản có xu hướng tăng trong khi giá bán sản phẩm biến động theo xu hướng thị trường dẫn đến hiệu quả sản xuất của người dân chưa như kỳ vọng.

## Phần thứ hai

### KẾ HOẠCH NĂM 2025

#### I. Dự báo tình hình

Tình hình xuất khẩu gạo của Việt Nam tại một số thị trường truyền thống dự báo tiếp tục thuận lợi (*giá bán cao và nhu cầu nhập khẩu cao*)<sup>36</sup>; cơ quan chức năng kiểm soát tốt việc nhập lậu động vật, sản phẩm động vật qua biên giới tạo động lực thúc đẩy hoạt động chăn nuôi trong thời gian tới; tình hình xuất khẩu cá tra tiếp tục phục hồi, đối với các đối tượng thủy sản khác tình hình tiêu thụ vẫn ổn định do là nguồn thực phẩm phục vụ nhu cầu tiêu thụ nội địa và xuất khẩu tiểu ngạch sang các nước lân cận.

Tác động của thời tiết cực đoạn làm cho người sản xuất phải đầu tư thêm chi phí sản xuất, kéo theo giá thành sản xuất của một số sản phẩm nông sản tăng và ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất của người dân.

<sup>36</sup> Quốc gia mua gạo lớn nhất của Việt Nam là Philippines đã quyết định giảm thuế nhập khẩu từ 35% xuống còn 15% và áp dụng đến năm 2028.

## II. Kế hoạch năm 2025

### 1. Mục tiêu chung

Tập trung triển khai hiệu quả theo định hướng Kết luận số 250-KL/TU ngày 09/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khoá XI<sup>37</sup>. Phát huy mọi tiềm năng, nguồn lực và tạo động lực phát triển ngành hàng chủ lực gắn với giảm giá thành, tăng giá trị trên cùng đơn vị sản xuất; mở rộng quy mô vùng sản xuất tập trung, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn gắn với phát triển du lịch sinh thái góp phần tạo giá trị mới trong sản xuất.

Tập trung triển khai Đề án “Xây dựng Đồng Tháp trở thành tỉnh tiên phong, kiểu mẫu về nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”; Đề án Chuyển đổi số ngành nông nghiệp; Kế hoạch thực hiện Đề án 01 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao, giảm phát thải gắn tăng trưởng xanh khu vực Đồng Bằng sông Cửu Long; Kế hoạch Tái cơ cấu các ngành hàng chủ lực và các ngành hàng tiềm năng góp phần hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2021-2025.

### 2. Kịch bản tăng trưởng ngành

Trên cơ sở ước giá trị tăng thêm khu vực nông – lâm – thủy sản năm 2024 đạt 22.153 tỷ đồng, tăng 3,9% so thực hiện năm 2024. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông nhất đề xuất kịch bản tăng trưởng GRDP cả Tỉnh năm 2025 theo 03 phương án GRDP cả tỉnh tăng 7,5% - 8,0% - 8,5% (*trương ứng giá trị tăng thêm khu vực nông – lâm – thủy sản tăng 3,5% - 3,7% - 3,9%*) và đề xuất chọn kịch bản tăng trưởng GRDP đạt 8,0% (*trương ứng giá trị giá trị tăng thêm khu vực nông – lâm – thủy sản năm 2025 tăng 3,7% và bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 3,5%/năm, bằng 100% kế hoạch đề ra*)<sup>38</sup>. Theo đó, kịch bản tăng trưởng chi tiết khu vực nông – lâm – thủy sản năm 2025 được xây dựng trên cơ sở khai thác tín hiệu thị trường, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh và làm tốt công tác dự tính, dự báo, phòng chống thiên tai tạo điều kiện thuận lợi triển khai tổ chức sản xuất nông – lâm – thủy sản trên địa bàn Tỉnh làm nền tảng cho tăng trưởng ngành. Ngoài ra, tổ chức sản xuất theo hướng chuyên dịch lúa chất lượng cao, duy trì sản lượng lúa ở mức xấp xỉ cùng kỳ, mở rộng quy mô sản xuất và chuyển dịch cơ cấu hoa màu, hoa kiểng sang loại cho hiệu quả kinh tế cao gắn với nhu cầu thị trường, duy trì sản lượng cây ăn trái chủ lực và kế thừa kết quả chuyển dịch cây ăn trái trong thời gian qua làm động lực dẫn dắt tăng trưởng ngành. Bên cạnh đó, duy trì và phát huy kết quả tăng trưởng lĩnh vực chăn nuôi, khai thác hiệu quả thị trường tiêu thụ thủy sản chủ lực và tiềm năng phục vụ xuất khẩu là nhân tố đột biến trong tăng trưởng ngành. Cụ thể như sau:

<sup>37</sup> Kết luận số 250-KL/TU ngày 09/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khoá XI về tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với triển khai Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững

<sup>38</sup> Theo Công văn số 1646/SKHĐT-TH ngày 21/06/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị phối hợp xây dựng phương án tăng trưởng GRDP năm 2025 và ước thực hiện tăng trưởng GRDP 5 năm (2021 - 2025).

## **2.1. Phương án 1 – phát triển trong điều kiện bình thường**

Tổng giá trị sản xuất toàn ngành đạt 52.910 tỷ đồng, tương ứng giá trị tăng thêm đạt 22.928 tỷ đồng, tăng 3,5% so thực hiện năm 2024 và cao hơn mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2024 đạt 3,46%. Theo đó giá trị sản xuất trên các lĩnh vực như sau:

- Giá trị sản xuất trồng trọt ước đạt 32.424 tỷ đồng, tăng 3,5% so ước thực hiện năm 2024 và cao hơn mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2024 là 3,29%/năm. Đây là phương án phân đầu trên cơ sở duy trì diện tích gieo trồng giữ vững năng suất lúa cả năm. Khai thác kết quả chuyển dịch hoa màu có giá trị kinh tế cao trên nền đất lúa, tăng diện tích hoa kiểng và tập trung phát triển các vùng chuyên canh cây ăn trái cho giá trị cao trong thời gian qua. Cùng với đó, kiểm soát tốt tình hình dịch bệnh trên cây trồng, do đó đề xuất phương án tăng trưởng lĩnh vực trồng trọt tăng 3,5% đã thể hiện sự phân đầu và khả thi, phù hợp điều kiện sản xuất hiện nay.

- Giá trị sản xuất chăn nuôi ước đạt 2.902 tỷ đồng, tăng 4% so ước thực hiện năm 2024 và cao hơn mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2024 là 2,63%/năm.

- Giá trị sản xuất thủy sản ước đạt 14.424 tỷ đồng, tăng 3,5% so ước thực hiện năm 2024 và thấp hơn mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2024 là 5,09%/năm. Trên cơ sở giá bán sản phẩm thủy sản chủ lực và tiềm năng ổn định, người nuôi có lợi nhuận kéo theo diện tích thả nuôi cá tra tăng nhẹ, diện tích thả nuôi tôm và thủy sản khác ổn định, số lượng lồng bè thả nuôi tăng.

- Giá trị sản xuất lâm nghiệp ước đạt 453 tỷ đồng, ổn định so ước thực hiện năm 2024 và tương đương mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2024 là 0,6%/năm. Trên cơ sở chăn nuôi phát triển ổn định, tình hình tiêu thụ ổn định, người nuôi có lợi nhuận dẫn đến tiếp tục duy trì và tái đầu tư mở rộng quy mô chăn nuôi.

## **2.2. Phương án 2 (phương án chọn) – phát triển trong điều kiện phân đầu (hoàn thành kế hoạch giai đoạn 2021-2025)**

Tổng giá trị sản xuất toàn ngành đạt 53.024 tỷ đồng, tương ứng giá trị tăng thêm đạt 22.972 tỷ đồng, tăng 3,7% so thực hiện năm 2024, cao hơn 0,2 điểm % so phương án 1 và cao hơn mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2024 đạt 3,46%. Theo đó giá trị sản xuất trên các lĩnh vực như sau:

- Giá trị sản xuất trồng trọt ước đạt 32.424 tỷ đồng, tăng 3,5% so ước thực hiện năm 2024 (*ổn định so phương án 1*) và cao hơn mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2024 là 3,29%/năm.

- Giá trị sản xuất chăn nuôi ước đạt 2.930 tỷ đồng, tăng 5% so ước thực hiện năm 2024, cao hơn 1 điểm % so phương án 1 (*tương ứng tăng 28 tỷ đồng*) và cao hơn mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2024 là 2,63%/năm. Trên cơ sở chăn nuôi phát triển thuận lợi, tình hình tiêu thụ ổn định và người nuôi có



lợi nhuận khá dẫn đến tiếp tục duy trì mở rộng quy mô chăn nuôi, đầu tư chăm sóc rút ngắn chu kỳ nuôi và tăng hệ số vòng quay.

- Giá trị sản xuất thủy sản ước đạt 14.494 tỷ đồng, tăng 4% so ước thực hiện năm 2024, cao hơn 0,5 điểm % so phương án 1 (*tương ứng tăng 70 tỷ đồng*) và thấp hơn mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2024 là 5,09%/năm. Trên cơ sở giá bán sản phẩm thủy sản chủ lực và tiềm năng thuận lợi, người nuôi có lợi nhuận khá kéo theo người nuôi nuôi tập trung đầu tư chăm sóc rút ngắn chu kỳ sản xuất và tăng hệ số vòng quay trong năm dẫn đến sản lượng cá tra và thủy sản tiềm năng tăng khá.

- Giá trị sản xuất lâm nghiệp ước đạt 453 tỷ đồng, ổn định so ước thực hiện năm 2024, ổn định so phương án 1 và tương đương mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2024 là 0,6%/năm.

### **2.3. Phương án 3 – phát triển trong điều kiện phân đất cao**

Tổng giá trị sản xuất toàn ngành đạt 53.139 tỷ đồng, tương ứng giá trị tăng thêm đạt 23.017 tỷ đồng, tăng 3,9% so thực hiện năm 2024, cao hơn 0,2 điểm % so phương án 1 và cao hơn mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2024 đạt 3,46%. Theo đó giá trị sản xuất trên các lĩnh vực như sau:

- Giá trị sản xuất trồng trọt ước đạt 32.440 tỷ đồng, tăng 3,55% so ước thực hiện năm 2024, cao hơn 0,05 điểm % so phương án 1 và 2 (*tương ứng tăng 17 tỷ đồng*) và cao hơn mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2024 là 3,29%/năm. Qua so sánh kết quả tăng trưởng đã thể hiện sự phấn đấu trên cơ sở tăng diện tích gieo trồng lúa và phân đất tăng sản lượng cây ăn trái. Khai thác kết quả chuyển dịch đất hoa màu sang đất lúa, tăng diện tích và sản lượng hoa kiểng cho giá trị kinh tế cao và chuyên canh cây ăn trái cho giá trị cao. Tuy nhiên, tăng trưởng dựa vào việc tăng năng suất cây trồng và khai thác hiệu quả sử dụng đất không còn hiệu quả (phần lớn diện tích đã được khai thác hết và năng suất cây trồng đã đến ngưỡng giới hạn) và tăng diện tích lúa Đông Xuân trong phương án 3 lên 190.000 ha, giảm diện tích màu chỉ thực hiện ở những khu vực có điều kiện sản xuất phù hợp. Do đó, phương án này chỉ ở mức phân đất cao.

- Giá trị sản xuất chăn nuôi ước đạt 2.957 tỷ đồng, tăng 6% so ước thực hiện năm 2024, cao hơn 1 điểm % so phương án 2 (*tương ứng tăng 28 tỷ đồng*) và cao hơn mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2024 là 2,63%/năm. Trên cơ sở chăn nuôi phát triển rất thuận lợi, tình hình tiêu thụ ổn định và người nuôi có lợi nhuận cao dẫn đến tiếp tục duy trì mở rộng quy mô chăn nuôi, đầu tư chăm sóc rút ngắn chu kỳ nuôi và tăng hệ số vòng quay.

- Giá trị sản xuất thủy sản ước đạt 14.564 tỷ đồng, tăng 4,5% so ước thực hiện năm 2024, cao hơn 0,5 điểm % so phương án 2 (*tương ứng tăng 70 tỷ đồng*) và thấp hơn mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2024 là 5,09%/năm. Trên cơ sở giá bán sản phẩm thủy sản chủ lực và tiềm năng rất thuận lợi, người nuôi có lợi nhuận cao kéo theo người nuôi nuôi tập trung đầu tư chăm sóc khai thác triệt để chu kỳ sản xuất và tăng hệ số vòng quay trong năm dẫn đến sản lượng cá tra và thủy sản tiềm năng tăng khá.

- Giá trị sản xuất lâm nghiệp ước đạt 453 tỷ đồng, ổn định so ước thực hiện năm 2024, ổn định so phương án 2 và tương đương mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2024 là 0,6%/năm.

### **3. Mục tiêu cụ thể theo kịch bản chọn**

**(1) Chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm khu vực nông – lâm – nghiệp và thủy sản:** tổng giá trị tăng thêm đạt 22.972 tỷ đồng, tăng 3,7% (tương ứng tăng 819 tỷ đồng) so thực hiện năm 2024 (hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2021-2025).

**(2) Chỉ tiêu hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch:** tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch đạt 98% (hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2021-2025).

**(3) Chỉ tiêu xã nông thôn mới:** có thêm 2 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (xã An Phước, Tân Hộ Cơ – huyện Tân Hồng), lũy kế có 51 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (chiếm 44,35% xã đạt chuẩn nông thôn mới và vượt chỉ tiêu kế hoạch đến năm 2025 đạt 30%); thêm 1 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (xã Phú Cường – huyện Tam Nông), lũy kế có 6 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (chiếm 11,76% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và vượt chỉ tiêu kế hoạch đến năm 2025 đạt 10%)

**(4) Chỉ tiêu huyện nông thôn mới:** Lũy kế, có 11 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ và đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 91,6% đơn vị cấp huyện của Tỉnh (vượt 1 huyện so kế hoạch đến năm có 10 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ và đạt chuẩn nông thôn mới). Đồng thời, huyện Tháp Mười đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

### **4. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm**

**4.1. Tham mưu hoàn thiện thể chế, chính sách theo hướng đồng bộ, đáp ứng yêu cầu đổi mới sản xuất, xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu nông nghiệp**

Tiếp tục phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện rà soát, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách góp phần nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý, tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp, hỗ trợ thực hiện cơ cấu lại ngành, thúc đẩy xây dựng nông thôn mới. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định, kiểm tra, rà soát việc ban hành văn bản bảo đảm tính đồng bộ, khả thi.

*Giao thủ trưởng phòng chuyên môn và đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế và Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện tổ chức thực hiện.*

**4.2. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn phát triển kinh tế nông nghiệp theo chiều sâu, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nông nghiệp**

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả 07 định hướng và 12 giải pháp thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Đồng thời, tham mưu triển khai nội dung quy hoạch ngành tích hợp trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050<sup>39</sup>. Phối hợp địa phương triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế nông nghiệp năm 2024<sup>40</sup> linh hoạt, thích ứng thời tiết, phù hợp thị trường, gắn với nhiệm vụ cơ cấu ngành hàng chủ lực giai đoạn 2021-2025 và phù hợp điều kiện thực tế của từng địa phương góp phần đưa giá trị sản xuất toàn ngành đạt 53.024 tỷ đồng, tăng 3,74% so thực hiện 2024 (*tương ứng tăng 1.911 tỷ đồng*). Theo đó, định hướng nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu cụ thể sau:

#### 4.2.1. Trồng trọt

Khuyến khích chuyển dịch cơ cấu cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả, hướng dẫn, chuyển giao khuyến khích người sản xuất sử dụng phân bón hữu cơ, chế phẩm sinh học trong sản xuất góp phần nâng chất lượng sản phẩm; phát triển mô hình sản xuất mới cho giá trị kinh tế cao, mô hình sản xuất hữu cơ tuần hoàn; mở rộng vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn theo tiêu chuẩn, đặt hàng của doanh nghiệp; tổ chức sản xuất theo hướng mở rộng quy mô liên kết tiêu thụ theo chuỗi giá trị; phát triển nông sản an toàn, nông sản hữu cơ gắn chứng nhận mã số vùng trồng và truy xuất nguồn gốc. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển nông nghiệp công nghệ cao gắn với chiến lược phát triển và định hướng tái cơ cấu ngành hàng. Theo đó, phấn đấu giá trị sản xuất trồng trọt năm 2025 (theo giá so sánh năm 2010) đạt trên 32.424 tỷ đồng, tăng 3,5% so thực hiện năm 2024 (*tương ứng tăng 1.096 tỷ đồng*). Theo đó:

- Ngành hàng lúa gạo: triển khai hiệu quả Đề án Phát triển bền vững một triệu héc ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030<sup>41</sup>; tiếp tục thực hiện giải pháp phát triển ngành hàng lúa gạo trở thành ngành hàng xuất khẩu chủ lực và theo hướng bền vững thông qua phát triển vùng sản xuất tập trung chất lượng cao, an toàn vệ sinh thực phẩm và chú trọng áp dụng đồng bộ giải pháp giảm giá thành sản xuất. Tích cực vận động chuyển dịch cơ cấu giống sang nhóm giống chất lượng cao; quản lý chặt vùng sản xuất phục vụ xuất khẩu; nâng cao năng lực giám sát và dự báo, quản lý hiệu quả sinh vật gây hại. Theo đó, diện tích gieo trồng lúa cả năm đạt 495.500 ha, sản lượng đạt 3,32 triệu tấn và giá trị sản xuất ngành lúa gạo đạt 16.469 tỷ đồng, tăng 1,03% so thực hiện năm 2024.

<sup>39</sup> Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng chính phủ Về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

<sup>40</sup> Báo cáo số 38/BC-SNN ngày 17/01/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Tổng kết phát triển kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2023 và kế hoạch phát triển kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2024.

<sup>41</sup> Tổ chức lại hệ thống sản xuất theo chuỗi giá trị, áp dụng các quy trình canh tác bền vững, thu gom rơm, rạ khỏi đồng ruộng nhằm gia tăng giá trị, phát triển bền vững của ngành lúa gạo, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, thu nhập và đời sống của người trồng lúa, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính.

- Ngành hàng rau màu – cây công nghiệp ngắn ngày: tiếp tục khuyến cáo chuyển đổi cơ cấu đất trồng trên đất lúa kém hiệu quả sang phát triển vùng chuyên canh gắn tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm (rau an lá, ăn quả, rau gia vị,...), khuyến khích phát triển luân canh trên nền đất lúa (cây màu lương thực, sen, cây công nghiệp ngắn ngày,...) và phát triển hợp lý các cây trồng phục vụ chế biến, tiêu dùng trong nước và xuất khẩu (rau màu, ớt, khoai lang, kiệu, khoai môn,...); khuyến cáo phát triển, nhân rộng mô hình sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu kết hợp với các dự án năng lượng điện mặt trời. Khuyến cáo giảm sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hóa học. Theo đó, tổng diện tích gieo trồng đạt 33.300 ha và giá trị sản xuất đạt trên 3.537 tỷ đồng, tăng 2,67% so thực hiện năm 2024.

- Ngành hàng cây ăn trái: phát triển ngành hàng cây ăn trái thành ngành hàng mũi nhọn theo hướng chuyên canh quy mô lớn, ứng dụng đồng bộ khoa học kỹ thuật vào quy trình sản xuất góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm và chú trọng xây dựng mã số vùng trồng, sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn gắn với truy xuất nguồn gốc hướng đến phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu. Đẩy mạnh thực hiện phân rộng các diện tích thực hành nông nghiệp tốt theo hướng VietGAP, GlobalGAP. Nhân rộng diện tích sản xuất xoài theo hướng hữu cơ và chứng nhận hữu cơ để phục vụ xuất khẩu các thị trường khó tính như (Nhật, Mỹ, Hàn Quốc...). Theo đó, tổng diện tích canh tác đạt 46.527 ha và giá trị sản xuất đạt 5.486 tỷ đồng, tăng 7,14% so thực hiện năm 2024.

- Ngành hàng sen: phát triển theo mục tiêu “giảm chi phí, nâng cao chất lượng, tăng sản phẩm chế biến”. Tổ chức lại sản xuất của ngành hàng theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, đầu tư hạ tầng đồng bộ, hiện đại gắn với sản xuất an toàn (sản xuất hữu cơ, VietGAP, an toàn vệ sinh thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, an toàn dịch bệnh,...); phát triển sản xuất sen gắn với văn hóa, du lịch theo hướng bền vững, hướng đến các giá trị xanh, tăng trưởng xanh, môi trường xanh và văn hoá xanh; đồng thời kết hợp lưu giữ những giá trị truyền thống về văn hóa, di tích lịch sử, ngành nghề truyền thống, lối sống của người dân địa phương; phát triển sản phẩm theo hướng chất lượng, an toàn, có giá trị gia tăng cao, theo nhu cầu thị trường, an toàn thực phẩm và bền vững. Theo đó, tổng diện tích gieo trồng đạt 1.900 ha và giá trị sản xuất đạt 40 tỷ đồng tương đương so thực hiện năm 2024.

- Ngành hàng hoa kiểng: tiếp tục phát triển ngành hoa kiểng trở thành ngành hàng chiến lược của Tỉnh và được tổ chức sản xuất theo hướng giá trị cao, đa dạng chủng loại theo thị hiếu người dùng, kết nối sản xuất với thị trường, doanh nghiệp để phát triển du lịch. Nghiên cứu, tổ chức nhân giống in-vitro hoa kiểng theo hướng sạch bệnh, chất lượng; tiếp nhận và chuyên giao các giống hoa kiểng mới, giống hoa kiểng có giá trị kinh tế cao; nhập khẩu, khảo nghiệm, chọn lọc các giống hoa kiểng mới phù hợp điều kiện sản xuất địa phương, thị trường tiêu thụ. Tăng cường phối hợp các Viện, Trường, Hiệp hội tổ chức nghiên cứu và chuyên giao khoa học công nghệ về chọn tạo giống hoa kiểng mới, chất lượng và phù hợp; sưu tập, bảo tồn các giống hoa kiểng đặc hữu của địa phương; bảo tồn, khai thác nguồn gen hoa kiểng nhằm chủ động ứng phó biến đổi khí hậu. Theo đó, tổng diện tích

gieo trồng đạt 4.573 ha và giá trị sản xuất đạt trên 6.932 tỷ đồng, tăng 7,28% so thực hiện năm 2024.

- Phát triển, quản lý chặt chẽ chất lượng mã số vùng trồng xuất khẩu. Phối hợp các địa phương mở rộng chuỗi liên kết bền vững hơn giữa doanh nghiệp và Hợp tác xã. Theo đó, tăng diện tích đủ điều kiện được cấp mã số vùng trồng cả năm đạt 100%.

- Chuyên giao, phát triển mô hình sản xuất mới cho giá trị kinh tế cao, mở rộng vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn theo tiêu chuẩn, đặt hàng của doanh nghiệp; phát triển nông sản an toàn, nông sản hữu cơ gắn chứng nhận mã số vùng trồng và truy xuất nguồn gốc. Theo đó, sản lượng sản phẩm trồng trọt sản xuất theo hướng bền vững (*VietGAP, hữu cơ, tuần hoàn, đủ điều kiện sản xuất an toàn thực phẩm, ...*) cả năm đạt 40% và có 4.500 ha canh tác theo hướng hữu cơ.

- Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển nông nghiệp công nghệ cao gắn với chiến lược phát triển và định hướng tái cơ cấu ngành hàng chủ lực và ngành hàng tiềm năng của các địa phương. Phối hợp các đơn vị liên quan xây dựng mô hình sản xuất theo quy trình giảm phát thải các bon và liên kết với doanh nghiệp trong việc phát triển thương mại hoá tín chỉ các bon.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm phục vụ thị trường xuất khẩu và nâng cao năng lực giám sát và dự báo, phòng trừ hiệu quả sinh vật gây hại.

*Giao Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật chủ trì phối hợp Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, Quản lý khai thác công trình thủy lợi và Nước sạch nông thôn; Trung tâm Ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế và Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện tổ chức thực hiện.*

#### **4.2.2. Chăn nuôi**

Nhân rộng mô hình chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học quy mô trang trại, giảm đầu con theo hình thức chăn nuôi quy mô nông hộ nhỏ lẻ. Hướng đến phát triển chăn nuôi tập trung theo hướng công nghiệp; thực hiện triệt để công tác tiêm vắc xin phòng bệnh, vệ sinh tiêu độc, khử trùng; kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ, mua bán, vận chuyển gia súc, gia cầm và sản phẩm gia súc gia cầm, đặc biệt là kiểm dịch nhập tỉnh. Theo đó, tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 60.717 tấn, sản lượng trứng gia cầm xuất bán đạt 408 triệu quả và giá trị sản xuất đạt trên 2.930 tỷ đồng, tăng 5% so ước thực hiện năm 2024 và tỷ lệ cơ sở sản xuất chăn nuôi trên địa bàn xử lý chất thải (*bằng biogas hoặc các giải pháp công nghệ xử lý, sử dụng hiệu quả, sạch*) chiếm 80%, có thêm 1 cơ sở chăn nuôi được chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh. Theo đó:

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi. Khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung, quy mô lớn theo nguyên tắc bảo đảm an toàn sinh học, kiểm soát dịch bệnh, bảo vệ môi trường; nhân rộng mô hình chăn nuôi theo chuỗi liên kết với doanh nghiệp; khuyến khích các mô hình chăn nuôi kết hợp với dự án điện năng lượng mặt trời.

- Kiểm soát chất lượng con giống, khuyến khích giải pháp cải tạo nâng cao tầm vóc đàn vật nuôi. Đồng thời, phát triển chăn nuôi theo phương thức chăn nuôi hữu cơ, tuần hoàn; phối hợp với các công ty, doanh nghiệp sản xuất con giống có chất lượng tốt, sạch bệnh hỗ trợ người chăn nuôi, thúc đẩy việc tái đàn phát triển chăn nuôi.

- Tiếp tục kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực giết mổ tập trung với quy trình giết mổ treo trên địa bàn theo quy định; tiếp tục kết nối cung cầu để tạo điều kiện cho người chăn nuôi liên kết tiêu thụ với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

- Phối hợp địa phương triển khai thực hiện các Chương trình tập huấn cho người chăn nuôi về các tiến bộ kỹ thuật trong chăn nuôi như chăn nuôi ATSH, chăn nuôi tuần hoàn, chăn nuôi theo hướng hữu cơ. Chuyển giao quy trình, công nghệ chăn nuôi cho nông hộ, trang trại phù hợp với từng đối tượng vật nuôi và từng khu vực trên địa bàn Tỉnh.

*Giao Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản chủ trì phối hợp Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế và Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện tổ chức thực hiện.*

### **4.2.3. Lâm nghiệp**

Tổ chức quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, sử dụng hợp lý, phát triển bền vững tài nguyên rừng, chú trọng công tác phát triển rừng sản xuất theo hướng chất lượng cao (trồng rừng trên liếp). Thực hiện hiệu quả công tác bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng; giá trị sản xuất đạt 453 tỷ đồng, tương đương so thực hiện năm 2024. Theo đó:

- Thực hiện tốt công tác phối hợp giữa lực lượng Kiểm lâm - Công an - Quân sự trong công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng; phối hợp với lực lượng bảo vệ rừng của các đơn vị quản lý rừng thực hiện kiểm tra bảo vệ rừng.

- Kiện toàn Ban Chỉ huy PCCCR các cấp và của chủ rừng. Đầu tư xây dựng mới, sửa chữa các công trình phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; mua sắm trang thiết bị, phương tiện phục vụ chữa cháy rừng; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, bố trí lực lượng trực bảo vệ, phòng chống cháy rừng, chủ động giữ nước vào mùa khô, đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy rừng được triển khai kịp thời, hiệu quả, hạn chế thiệt hại khi xảy ra cháy rừng.

- Tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm, lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách, bán chuyên trách của chủ rừng, lực lượng dân quân tự vệ, công an các xã có rừng, ven rừng; thực hiện tốt công tác phối hợp giữa các lực lượng khi có cháy rừng xảy ra.

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, bảo vệ động vật hoang dã.

- Ứng dụng kỹ thuật, công nghệ thông tin vào quản lý, theo dõi diễn biến rừng, dự báo phòng chống cháy rừng.

- Đẩy mạnh công tác khuyến lâm, áp dụng có hiệu quả các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất lâm nghiệp, từng bước hiện đại hoá công tác quản lý trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin.

- Rà soát, ký hợp đồng ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng; xây dựng kế hoạch thu chi tiền dịch vụ môi trường rừng; thực hiện chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng theo quy định.

- Quản lý theo quy định của Nhà nước đối với các cơ sở kinh doanh, chế biến gỗ và cơ sở đăng ký nuôi động vật rừng.

*Giao Chi cục Kiểm lâm chủ trì phối hợp Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế và Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện tổ chức thực hiện.*

#### **4.2.4. Thủy sản**

Phát triển đối tượng thủy sản chủ lực (cá tra) thành ngành kinh tế quan trọng của Tỉnh, phát triển đa dạng sản phẩm có thể mạnh gắn phát triển sản phẩm OCOP phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu, nghiên cứu chuyển giao quy trình sản xuất đối tượng tiềm năng cho giá trị kinh tế cao góp phần tạo ra giá trị mới và nâng cao hiệu quả sản xuất; chú trọng cập nhật, theo dõi tình hình sản xuất, tiêu thụ thủy sản của địa phương nhằm phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân Tỉnh cũng như kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình sản xuất; tăng cường công tác quản lý nhà nước về thủy sản nhằm đảm bảo chất lượng các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất cũng như chất lượng đầu ra của sản phẩm; hỗ trợ kết nối tiêu thụ sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm. Theo đó, lũy kế diện tích nuôi thủy sản là 6.860 ha, tăng 0,15% so ước thực hiện 2024<sup>42</sup>, tổng sản lượng thủy sản 701.400 tấn, tăng 2,77% so ước thực hiện năm 2024<sup>43</sup>, có 36% sản lượng thủy sản nuôi trồng theo hướng bền vững và 75 ha sản xuất theo hướng hữu cơ. Giá trị sản xuất thủy sản đạt trên 14.494 tỷ đồng, tăng 4% so với ước thực hiện năm 2024 (cá tra 9.095 tỷ đồng, tôm 205 tỷ đồng, thủy sản khác 3.798 tỷ đồng, giống thủy sản 1.005 tỷ đồng và khai thác 390 tỷ đồng). Theo đó:

- Thực hiện tuyên truyền, phổ biến rộng rãi quy định của pháp luật về nuôi trồng thủy sản và các văn bản có liên quan của trung ương và địa phương đến tổ chức, cá nhân biết và thực hiện. Tăng cường công tác quản lý quy hoạch vùng nuôi thủy sản, kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp đào ao nuôi thủy sản không theo quy hoạch.

- Phối hợp với các địa phương theo dõi, cập nhật thường xuyên tình hình sản xuất thủy sản thực tế trên địa bàn, đồng thời thực hiện nghiêm chế độ báo cáo

<sup>42</sup> Trong đó, diện tích nuôi cá tra 2.640 ha, tôm 1.000 ha, thủy sản khác 3.220 ha và 5.600 chiếc lồng bè.

<sup>43</sup> Trong đó sản lượng cá tra 558.000 tấn, tôm 1.900 tấn, thủy sản khác 60.5000 tấn, thủy sản lồng bè 62.000 tấn và 19.000 tấn thủy sản khai thác.

định kỳ theo quy định (tuần, tháng, quý), nhất là báo cáo trên nền tảng chuyển đổi số ngành nông nghiệp.

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra điều kiện sản xuất của các cơ sở sản xuất đầu vào như con giống, thức ăn; điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm; công tác quan trắc cảnh báo môi trường, dịch bệnh trên thủy sản; công tác giám sát dư lượng các chất độc hại trong sản phẩm thủy sản...

- Vận động các các tổ chức, cá nhân áp dụng các tiêu chuẩn sản xuất tốt trong nuôi trồng thủy sản nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm. củng cố, duy trì các chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm giữa các hộ nuôi với doanh nghiệp, đồng thời phát triển chuỗi liên kết giữa các cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống với các cơ sở nuôi thương phẩm.

- Phối hợp với Viện nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản 2 hỗ trợ địa phương đàn cá tra hậu bị chọn giống theo hướng tăng trưởng nhanh và kháng bệnh để phát tán cho các cơ sở sản xuất giống trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao chất lượng con giống phục vụ cho nuôi thương phẩm đạt hiệu quả cao. Đối với các đối tượng thủy sản khác tiếp tục phối hợp với Viện, Trường thực hiện dự án chuyển giao qui trình sản xuất giống các đối tượng mới, qui trình nuôi cho các cơ sở ương nuôi khi có yêu cầu.

- Xây dựng và nhân rộng mô hình kỹ thuật nuôi theo công nghệ cao, công nghệ nuôi tuần hoàn nhằm hạn chế thay nước ao nuôi ra môi trường bên ngoài, giảm thiểu dịch bệnh, mô hình này được cho là phù hợp trước tình hình biến đổi khí hậu hiện nay.

*Giao Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản chủ trì phối hợp Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế và Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện tổ chức thực hiện.*

#### **4.2.5. Xúc tiến đầu tư, tiêu thụ và dự báo thị trường nông sản**

Theo dõi, dự báo sản lượng nông sản, thủy sản thu hoạch hàng tháng, quý nhằm kịp thời hợp tác với doanh nghiệp xây dựng phương án tiêu thụ cho người sản xuất trong trường hợp gặp khó khăn về tiêu thụ; tuyên truyền, phổ biến đến người sản xuất chú trọng phát triển sản phẩm theo thị hiếu tiêu dùng trong nước.

Hỗ trợ tổ chức, cá nhân trong chuỗi liên kết nhằm thu hút, khuyến khích doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn; mở rộng hình thức hợp tác giữa doanh nghiệp với nông dân, tăng diện tích cánh đồng liên kết. Duy trì hoạt động tiếp xúc với doanh nghiệp thu mua, doanh nghiệp chế biến, người sản xuất nông sản nhằm kịp thời nắm bắt khó khăn, vướng mắc trong quá trình sản xuất, tiêu thụ nông sản; phân công cán bộ chuyên môn phối hợp cùng địa phương nắm bắt những khó khăn trong khâu tổ chức sản xuất, thu hoạch, vận chuyển, phân phối nông sản giúp tháo gỡ kịp thời.

Hỗ trợ Hội quán, nông dân tham gia sàn thương mại điện tử, phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn Tỉnh; liên kết các Hội, tổ chức chính trị



- xã hội tuyên truyền trong hội viên phát huy giải pháp tiêu thụ nông sản qua kênh thương mại điện tử.

*Giao thủ trưởng đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế và Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện tổ chức thực hiện.*

#### **4.2.6. Chuyển đổi số nông nghiệp**

Tiếp tục hoàn chỉnh nội dung, khai thác hiệu quả nền tảng chuyển đổi số nông nghiệp nhằm cung cấp thông tin kịp thời về sản xuất nông nghiệp, truy xuất nguồn gốc và thiết lập hệ thống giám sát, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh trên cơ sở tích hợp với hệ thống giám sát, đánh giá ngành Nông nghiệp để thông tin được quản lý tập trung thống nhất.

*Giao thủ trưởng đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế và Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện tổ chức thực hiện.*

#### **4.2.7. Chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động quản lý, sản xuất và nhân rộng mô hình hiệu quả**

Tiếp tục xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất tập trung quy mô lớn theo hướng ứng dụng đồng bộ giải pháp giảm giá thành, công nghệ thông minh, truy xuất nguồn gốc và chuỗi giá trị. Mở rộng quy mô sản xuất theo hướng an toàn, theo tiêu chuẩn kỹ thuật đáp ứng yêu cầu thị trường. Tập trung triển khai, nhân rộng mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn GAP, sản xuất hữu cơ trên các cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh, phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế thuận thiên trong nông nghiệp.

Nâng cao chất lượng các loại hình và dịch vụ khuyến nông (đầu vào, đầu ra và tư vấn kỹ thuật) để hỗ trợ cho người sản xuất trong việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất, liên kết với doanh nghiệp trong tiêu thụ sản phẩm và nâng cao năng lực thực tiễn của cán bộ khuyến nông.

Tăng cường các hoạt động phối hợp Viện, Trường trong nghiên cứu và chuyển giao công nghệ mới nhằm nâng cao công tác cải tạo giống, nghiên cứu chọn lọc cây đầu dòng, lai tạo, chọn giống mới, hướng tới nguồn giống chất lượng cao, đồng thời bảo tồn các giống truyền thống.

Phối hợp các địa phương hỗ trợ và nhân rộng mô hình hội quán, phát triển chương trình khởi nghiệp và chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả, thông qua khai thác du lịch trải nghiệm và phát triển thương mại điện tử.

*Giao thủ trưởng đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế và Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện tổ chức thực hiện.*

### **4.3. Phát triển nông thôn theo hướng với xây dựng nông thôn mới gắn phát triển kinh tế tập thể, phát triển sản phẩm OCOP và làng nghề**

Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và công tác giảm nghèo bền vững theo hướng nâng cao, kiểu mẫu. Phát triển các mô hình nông thôn mới gắn với ổn định đời sống dân cư, phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể của người dân và cộng đồng trong hoạt động xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu.

Phát triển sản phẩm OCOP đạt chuẩn 4 sao và 5 sao. Nâng cao chất lượng sản phẩm OCOP và hỗ trợ phát triển sản phẩm tiềm năng theo tiêu chuẩn OCOP.

Tuyên truyền, vận động, thu hút người dân tham gia mô hình Hội quán; hỗ trợ Hội quán trong sinh hoạt định kỳ, trong hoạch định kế hoạch góp phần nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh và nâng cao nhận thức trong hợp tác sản xuất.

Xây dựng kế hoạch phát triển HTX nông nghiệp năm 2025. Theo đó, phấn đấu thành lập mới 6 Hợp tác xã nông nghiệp và chú trọng công tác kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể ở các cấp. Triển khai đầy đủ và kịp thời các chính sách, đề án, dự án hỗ trợ khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác, Hợp tác xã và kinh tế trang trại của Trung ương, Tỉnh đã ban hành. Huy động, lồng ghép các nguồn vốn để hỗ trợ phát triển KTTT, HTX, tranh thủ sự hỗ trợ, đầu tư từ các Tổ chức Phi chính phủ, các Dự án tài trợ,...

Phát huy tinh thần tự chủ, tự quản, tham gia quản trị địa phương nhằm gắn kết cộng đồng trong chia sẻ các mô hình sản xuất mới, ứng dụng khoa học công nghệ,... góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn.

*Giao Chi cục Phát triển nông thôn và đề nghị Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới và Tái cơ cấu nông nghiệp chủ trì phối hợp Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế và Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện tổ chức thực hiện.*

### **4.4. Huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn đồng bộ, hiện đại**

Chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan chuẩn bị các thủ tục đầu tư và chủ động tham mưu phân bổ vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, vốn lồng ghép từ chương trình dự án khác, vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu thực hiện đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất; ưu tiên các công trình, dự án phục vụ tái cơ cấu ngành, các dự án cấp bách. Nghiên cứu, đề xuất giải pháp đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước và chủ động triển khai các công trình, chương trình, dự án trung hạn của ngành và cam kết tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 được giao đạt 100% (nếu có giao vốn).

Huy động sự tham gia của cộng đồng thông qua các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể và đặc biệt

là người dân về ý nghĩa và tầm quan trọng của nước sạch nhằm thay đổi nhận thức, hành vi và tăng nhu cầu sử dụng nước sạch. Tham mưu giải pháp chuyển đổi công năng hoạt động trạm cấp nước sử dụng nguồn nước ngầm nhiễm Asen sang sử dụng nước mặt; chuẩn bị thủ tục đầu tư dự án mở rộng quy mô và công suất cấp nước sạch cho dân cư nông thôn đảm bảo mục tiêu đến cuối năm có 98% hộ dân khu vực nông thôn được sử dụng nước sạch. Thực hiện giải ngân 100% đối với nguồn được phân bổ năm 2025 đầu tư các công trình cấp nước sạch nông thôn.

*Giao Chi cục Thủy lợi và Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu nông nghiệp chủ trì phối hợp Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế và Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện tổ chức thực hiện.*

#### **4.5. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngành, đào tạo nghề cho nông dân**

Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn liền với rà soát, đánh giá, xây dựng quy hoạch cán bộ. Cải cách chế độ công vụ, công chức, nâng cao đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, văn hóa công sở. Rà soát, tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức ngành nông nghiệp năm 2025; tạo điều kiện thuận lợi cho công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ từ nguồn kinh phí tự túc khi có nhu cầu góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong ngành vững vàng về tư tưởng chính trị, có đủ năng lực, kỹ năng và phương pháp thực thi công vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao trong giai đoạn mới.

Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho nông dân về tầm quan trọng của học nghề, áp dụng kỹ năng, tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất nhằm tăng năng suất, thu nhập và tạo công ăn việc làm. Nghiên cứu, đề xuất đổi mới xây dựng chương trình, giáo trình và phương pháp dạy nghề cho lao động nông thôn theo hướng tăng cường thực hành thực tế, phát huy năng lực, tăng cường tính chủ động, tích cực của người học nghề nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, gắn với giải quyết việc làm.

Xây dựng mô hình đào tạo nghề gắn với mô hình khuyến nông phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, ưu tiên các nghề trong các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, cơ giới hóa đồng bộ, chế biến, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, chứng nhận an toàn; nghề về quản trị trang trại, doanh nghiệp nông nghiệp, hợp tác xã và các dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh nông nghiệp. Thực hiện giám sát công tác đào tạo nghề nông nghiệp ở các địa phương, cơ sở tham gia đào tạo góp phần đưa tỷ lệ nông dân được đào tạo nghề nông nghiệp đạt 40%.

*Giao Chi cục Phát triển nông thôn và Văn phòng Sở chủ trì phối hợp Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế và Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện tổ chức thực hiện.*

#### **4.6. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn; tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường**

Đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng nông nghiệp phù hợp mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chủ động phối hợp với các địa phương rà soát hiện trạng các công trình thủy lợi và đề xuất thực hiện duy tu bảo dưỡng kịp thời góp phần đảm bảo nhu cầu nước tưới phục vụ sản xuất và bảo vệ sản xuất trước các hiện tượng thời tiết cực đoan.

Nâng cao khả năng dự báo và chủ động trong thích ứng với biến đổi khí hậu và các tác động khác từ thượng nguồn. Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển sản xuất với bảo vệ môi trường; ứng phó kịp thời, hiệu quả với thiên tai, hạn hán, lũ, bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản cho người sản xuất. Kiểm tra, rà soát, đầu tư nâng cao khả năng chống chịu thiên tai của công trình kết cấu hạ tầng, nhất là hệ thống đê bao. Thực hiện hiệu quả kế hoạch phòng chống thiên tai. Nâng cao năng lực truyền thông và nhận thức của cộng đồng, tổ chức về hiệu quả quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng kết hợp xây dựng nông thôn mới. Tham mưu ban hành chính sách quy định nội dung chi và mức chi từ quỹ phòng chống thiên tai đảm bảo theo quy định và phù hợp tình hình thực tế.

Chủ động rà soát, lập danh mục đề xuất đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng nông nghiệp, nông thôn phù hợp với mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu. Triển khai Chương trình phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025.

Tiếp tục thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đầu tư trồng rừng sản xuất và chế biến lâm sản, phát triển du lịch sinh thái rừng.

*Giao thủ trưởng đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế và Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện tổ chức thực hiện.*

#### **4.7. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, thanh tra hành chính lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn và an toàn vệ sinh thực phẩm**

Chủ động triển khai thanh tra, kiểm tra việc thực thi các quy định của pháp luật trong lĩnh vực quản lý được giao; trọng tâm là vật tư nông nghiệp, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống tham nhũng, lãng phí... về bảo vệ và kiểm dịch thực vật, phân bón, giống cây trồng; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, thuốc thú y thủy sản, hóa chất, chế phẩm sinh học; chất xử lý, cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản; an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp; các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành,...

Thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng và thực thi chức trách, nhiệm vụ được giao.

*Giao thủ trưởng phòng chuyên môn và đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế và Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện tổ chức thực hiện.*

### **III. Tổ chức thực hiện**

Thủ trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới và Tái cơ cấu nông nghiệp; Thủ trưởng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế và Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, căn cứ vào Kế hoạch này để xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể.

Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng và cuối năm các đơn vị báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng Kế hoạch - Tài chính) kết quả thực hiện trong đó nêu rõ: việc hoàn thành, chưa hoàn thành và nguyên nhân để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh.

Giao phòng Kế hoạch - Tài chính chủ trì theo dõi và báo cáo kết quả thực hiện của các đơn vị tại cuộc họp giao ban thường kỳ của Sở./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp;
- UBND Tỉnh;
- VPĐP ĐBSCL;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Thống kê;
- UBND huyện, thành phố;
- GD/PGĐ Sở;
- PNN/PKT huyện, thành phố;
- Phòng, đơn vị thuộc Sở;
- VPTCC-NTM;
- Lưu: VT, KHTC<sub>(Hải)</sub>.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Vũ Minh**

